MẪU SỐ 05

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 1082

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Tuần 1 tháng 9

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Chi nhánh cấp nước Thiện Tân.
2. Địa chỉ: Số 329, tổ 2, KP21, phường Long Bình, thành phố Đồng Nai.
3. Công suất thiết kế: 305.000 m^3/ngày đêm.
   Tổng số dân được cung cấp nước: …
4. Nguồn nước nguyên liệu: Nước mặt sông Đồng Nai.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 25 tháng 09 năm 2026
6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Chi Mai.
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

- 22 mẫu do phòng Quản lý chất lượng nước thực hiện.
- Vị trí lấy mẫu tại bể chứa và mạng phân phối nước.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Hồ sơ theo dõi phân tích.
- Phiếu kiểm nghiệm chất lượng nước của Phòng quản lý chất lượng nước.

MẪU SỐ 05

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Bể chứa trạm Thiện Tân – CNCN Thiện Tân.	Đầu vào KCN Hố Nai, đường số 1, phường Hố Nai.	Trạm tăng áp – KCN Biên Hoà 2, đường 19A, phường Trấn Biên.	Bể chứa trạm Nhơn Trạch – CNCN Thiện Tân.	Đầu vào KCN Amata – phường Long Bình.	Trụ cứu hoả số 1, đầu vào KCN Loteco – phường Long Bình.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	/	/	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.72	0.58	0.38	0.68	0.71	0.69	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.13	0.06	0.20	0.12	0.10	0.14	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	1.26	1.04	1.48	1.41	1.18	1.18	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	6.89	7.03	6.91	6.92	7.04	7.02	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.84	0.71	0.84	0.90	0.71	0.84	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	0.041	0.043	0.048	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

MẪU SỐ 05

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Công an phường Tam Hiệp – Số 42 Lê Thoa, phường Tam Hiệp.	Nhà dân - Số 60 đường Phạm Văn Thuận, phường Tam Hiệp.	Nhà dân – Số 13D3, KP. Bình Dương, phường Long Hưng.	Phòng khám đa khoa nhi Sài Gòn – Số 185 đường Phan Trung, phường Tam Hiệp.	Tổng công ty Sonadezi – Số 1, đường số 1, KCN Biên Hòa I, phường Trấn Biên.	Đồng hồ D400, trạm bơm tăng áp Sonadezi Long Bình – KCN Biên Hòa 2, phường Trấn Biên.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	0.00047	0.00043	0.00049	0.00045	0.00045	0.00047	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.51	0.30	0.45	0.55	0.39	0.54	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.10	0.10	0.08	0.10	0.12	0.19	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	1.41	1.11	1.48	1.26	1.11	1.04	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	6.95	6.84	6.87	6.88	7.10	6.89	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.51	0.58	0.64	0.64	0.77	0.64	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	0.078	0.045	0.117	< LOQ *(LOQ=0.039)*	0.046	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

MẪU SỐ 05

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Công an phường Trảng Dài– Số 246 đường Bùi Trọng Nghĩa, phường Trảng Dài.	Trạm y tế phường Long Bình – Đường Nguyễn Ái Quốc, phường Long Bình.	Trung tâm hành chính công phường Tam Hiệp – Số 147 đường Trần Quốc Toản, KP3, phường Tam Hiệp.	Bệnh viện 7B – Đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tam Hiệp.	Bệnh viện tâm thần TW2 - Đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Triều.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	0.00046	0.00041	KPH	0.00045	0.00046	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.60	0.60	0.50	0.65	0.55	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.11	0.10	0.09	0.10	0.09	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	1.33	1.26	1.19	1.04	1.04	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	6.88	7.21	6.89	7.04	6.92	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.58	0.71	0.51	0.58	0.51	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	0.048	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

MẪU SỐ 05

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Nhà dân – Số 12A18, đường Trần Quốc Toản, phường Trấn Biên.	Nhà dân – Số 201, QL15, phường Long Bình.	Đồng hồ D300, đường số 6, KCN Giang Điền, phường Trảng Bom.	Đồng hồ D300, KCN Bàu Xéo, phường Trảng Bom.	Nhà dân, số 161/G, đường 3/2, phường Trảng Bom.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	KPH	0.00049	0.00041	KPH	0.00077	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.50	0.27	0.43	0.21	0.26	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.13	0.18	0.11	0.05	0.05	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	1.04	1.33	1.04	1.26	1.18	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	7.14	7.12	7.44	7.46	7.48	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	1.03	0.77	0.58	0.52	0.52	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

- Dấu (/) không thực hiện.

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Trấn Biên, ngày 25 tháng 09 năm 2026

TUQ. GIÁM ĐỐC

PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Đặng Thị Tâm

MẪU SỐ 05

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 1082

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Tuần 1 tháng 9

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Chi nhánh cấp nước Biên Hoà.
2. Địa chỉ: Số 48 đường Cách mạng tháng 8, phường Trấn Biên, thành phố Đồng Nai.
3. Công suất thiết kế: 36.000 m^3/ngày đêm.
   Tổng số dân được cung cấp nước: …
4. Nguồn nước nguyên liệu: Nước mặt sông Đồng Nai.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 25 tháng 09 năm 2026
6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Chi Mai.
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

- 8 mẫu do phòng Quản lý chất lượng nước thực hiện.
- Vị trí lấy mẫu tại bể chứa và mạng phân phối nước.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Hồ sơ theo dõi phân tích.
- Phiếu kiểm nghiệm chất lượng nước của Phòng quản lý chất lượng nước.

MẪU SỐ 05

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Bể chứa CNCN Biên Hòa – Số 48, CMT8, phường Trấn Biên.	Trung tâm phục vụ hành chính công phường Trấn Biên – Số 63 đường Võ Thị Sáu, phường Trấn Biên.	Khu Du Lịch Bửu Long – Đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Trấn Biên.	UBND phường Trấn Biên – Số 76, Hưng Đạo Vương, phường Trấn Biên.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.91	0.55	0.41	0.38	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.61	0.22	0.44	0.56	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	1.55	1.33	1.26	2.52	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	6.77	6.98	6.71	6.84	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.64	0.51	0.77	0.58	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

MẪU SỐ 05

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Nhà dân – Đường Đỗ Văn Thi, khu phố Nhị Hòa, phường Trấn Biên.	Nhà dân – F1, hẻm 120, đường Hà Huy Giáp, phường Trấn Biên.	Ban chỉ huy quân sự phường Trấn Biên – Số 86, Nguyễn Văn Hoa, phường Trấn Biên.	Nhà dân – Số 122 đường Cách mạng tháng 8, phường Trấn Biên.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	KPH	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.48	0.50	0.20	0.80	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.14	0.05	0.13	0.39	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	1.18	1.48	1.48	1.11	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	6.82	6.81	6.90	6.93	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.58	0.51	0.64	0.58	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	0.039	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

- Dấu (/) không thực hiện.

MẪU SỐ 05

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Trấn Biên, ngày 25 tháng 09 năm 2026

TUQ. GIÁM ĐỐC

PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Đặng Thị Tâm

MẪU SỐ 05

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 1082

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Tuần 1 tháng 9

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Chi nhánh cấp nước Long Bình.
2. Địa chỉ: Tổ 8, KP22, phường Long Bình, thành phố Đồng Nai.
3. Công suất thiết kế:

- Trạm Long Bình: 36.000 m^3/ngày đêm. Tổng số HGĐ được cung cấp nước: …
- Khu xử lý Vĩnh An: 10.000 m^3/ngày đêm. Tổng số HGĐ được cung cấp nước: …

4. Nguồn nước nguyên liệu:

- Trạm Long Bình sử dụng nước mặt sông Đồng Nai.
- Khu xử lý Vĩnh An sử dụng nước hồ Trị An.

5. Thời gian kiểm tra: ngày 25 tháng 09 năm 2026
6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Chi Mai
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

- 15 mẫu do phòng Quản lý chất lượng nước thực hiện.
- Vị trí lấy mẫu tại bể chứa và mạng phân phối nước.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Hồ sơ theo dõi phân tích.
- Phiếu kiểm nghiệm chất lượng nước của Phòng quản lý chất lượng nước.

MẪU SỐ 05

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Bể chứa trạm Long Bình – CNCN Long Bình.	Trạm tăng áp Thiện Tân 2 – Đường Điểu Xiển, phường Long Bình.	Trụ sở UBND phường Hố Nai (cơ sở 2), ấp Thái Hòa, phường Hố Nai.	Nhà dân – Số 91 đường QL1A, phường Hố Nai.	Nhà dân - Hẻm 313 Xa lộ Hà Nội, phường Long Bình.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	/	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.79	0.75	0.58	0.58	0.53	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.58	0.13	0.77	0.70	0.12	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	1.92	1.04	1.85	2.07	1.18	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	6.93	6.97	7.14	7.28	7.28	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.77	0.71	0.71	0.64	0.58	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

MẪU SỐ 05

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Bể chứa khu xử lý Vĩnh An.	Nhà dân – Số 30, đường Nguyễn Tất Thành, KP. Vĩnh An 1, phường Trị An.	Trụ sở Đảng uỷ phường Trị An – Đường Nguyễn Tất Thành, KP. Vĩnh An 1, phường Trị An.	Giếng 1 - trạm Bàu Hàm, ấp Tân Hợp, xã Bàu Hàm.	Giếng 2 - trạm Bàu Hàm, ấp Tân Hợp, xã Bàu Hàm.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	/	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.57	0.74	0.71	0.78	0.42	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.14	0.26	0.70	0.45	0.26	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	0.52	0.67	1.55	2.66	0.59	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	7.13	6.95	6.70	8.38	7.42	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.52	< LOQ *(LOQ=0.50)*	< LOQ *(LOQ=0.50)*	< LOQ *(LOQ=0.50)*	< LOQ *(LOQ=0.50)*	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

MẪU SỐ 05

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Nhà dân – Số 60 đường Lê Quý Đôn, KP. Vĩnh An 1, phường Trị An.	Nhà dân - Số 69 đường Trung Tâm, KP. Vĩnh An 1, phường Trị An.	Nhà dân - Số 151 đường Quang Trung, KP. Vĩnh An 2, phường Trị An.	Nhà dân – Số 37 đường Phan Chu Trinh, KP. Vĩnh An 1, phường Trị An.	Nhà dân - Số 89/3, KP5, ấp Tân Hợp, xã Bàu Hàm.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	0.00050	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.45	0.55	0.67	0.53	0.90	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.89	0.19	0.47	0.70	0.53	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	2.15	0.67	1.33	1.33	3.18	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	6.77	6.78	7.00	6.89	8.36	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.71	0.64	< LOQ *(LOQ=0.50)*	< LOQ *(LOQ=0.50)*	< LOQ *(LOQ=0.50)*	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

- Dấu (/) không thực hiện.

MẪU SỐ 05

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Trấn Biên, ngày 25 tháng 09 năm 2026

TUQ. GIÁM ĐỐC

PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Đặng Thị Tâm

MẪU SỐ 05

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 1082

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Tuần 1 tháng 9

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Chi nhánh cấp nước Thạnh Phú.
2. Địa chỉ: Khu phố Thiện Tân, phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai.
3. Công suất thiết kế: 15.000 m^3/ngày đêm.

Tổng số HGĐ được cung cấp nước: …

4. Nguồn nước nguyên liệu: Nước mặt sông Đồng Nai.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 25 tháng 09 năm 2026
6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Chi Mai
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

- 5 mẫu do phòng Quản lý chất lượng nước thực hiện.
- Vị trí lấy mẫu tại bể chứa và mạng phân phối nước.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Hồ sơ theo dõi phân tích.
- Phiếu kiểm nghiệm chất lượng nước của Phòng quản lý chất lượng nước.

MẪU SỐ 05

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Bể chứa CNCN Thạnh Phú.	Hộ Nguyễn Xuân Nghĩa, khu phố Thiện Tân, phường Trảng Dài.	Trạm giao dịch Thạnh Phú – khu phố Tân Phú, phường Tân Triều.	Nhà dân – khu phố Bình Hoà, phường Tân Triều.	UBND phường Tân Triều.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	KPH	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.89	0.39	0.30	0.50	0.82	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.64	0.62	0.22	0.45	0.54	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	1.78	2.66	1.04	1.26	1.04	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	7.23	7.21	7.25	7.01	7.09	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	1.03	0.84	0.90	0.52	0.52	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	0.052	0.059	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

- Dấu (/) không thực hiện.

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Trấn Biên, ngày 25 tháng 09 năm 2026

TUQ. GIÁM ĐỐC

PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Đặng Thị Tâm

MẪU SỐ 05

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 1082

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Tuần 1 tháng 9

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc.
2. Địa chỉ: Đường Huỳnh Văn Nghệ, khu phố Gia Ray 2, phường Xuân Lộc, thành phố Đồng Nai.
3. Công suất thiết kế:

- Phân xưởng nước Gia Ray: 15.000 m^3/ngày đêm;
- Phân xưởng nước Tâm Hưng Hoà: 10.000 m^3/ngày đêm;
- Trạm Sông Ray: 150 m^3/ngày đêm;
- Phân xưởng nước Định Quán: 4.200 m^3/ngày đêm;
- Phân xưởng nước Tân Phú: 4.200 m^3/ngày đêm;
- Tổng số HGĐ được cung cấp nước: …

4. Nguồn nước nguyên liệu:

- Phân xưởng nước Gia Ray sử dụng nước hồ Núi Le;
- Phân xưởng nước Tâm Hưng Hoà sử dụng nước hồ Gia Ui;
- Trạm Sông Ray sử dụng nước giếng khoan;
- Phân xưởng nước Định Quán sử dụng nước đập Suối Soong (hồ Ba Giọt);
- Phân xưởng nước Tân Phú: 4.200 m^3/ngày đêm;

5. Thời gian kiểm tra: ngày 25 tháng 09 năm 2026

6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Chi Mai

7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

- 17 mẫu do phòng Quản lý chất lượng nước thực hiện.
- Vị trí lấy mẫu tại bể chứa và mạng phân phối nước.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Hồ sơ theo dõi phân tích.
- Phiếu kiểm nghiệm chất lượng nước của Phòng quản lý chất lượng nước.

MẪU SỐ 05

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Giếng khoan trạm Sông Ray.	Trạm y tế xã Sông Ray.	Bể chứa trạm Gia Ray, khu phố Gia Ray 2, phường Xuân Lộc.	Trường Tiểu học Kim Đồng, khu phố Gia Ray 1, phường Xuân Lộc.	KCN Xuân Lộc, khu phố Gia Ray 3, phường Xuân Lộc.	Bể chứa trạm Tâm Hưng Hòa, ấp Xuân Tâm, xã Xuân Hoà.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	/	/	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.35	0.56	0.49	0.51	0.90	0.90	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.40	0.30	0.25	0.31	0.31	0.52	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	0.67	0.74	1.04	2.29	1.85	1.99	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	7.75	7.70	7.40	7.21	6.99	7.28	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.50)*	< LOQ *(LOQ=0.50)*	0.97	0.84	0.97	1.29	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

MẪU SỐ 05

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Đảng uỷ xã Xuân Hoà - ấp Xuân Tâm, xã Xuân Hoà.	Trường Tiểu học Xuân Tâm 1, ấp Xuân Đà, xã Xuân Hoà.	Bể chứa trạm Định Quán.	Trường mầm non Tuổi Ngọc, xã Định Quán.	Trạm tăng áp, ấp 3, xã Phú Vinh.	Giếng 1, phường Tân Phú.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	/	/	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.62	0.51	0.56	0.70	0.53	0.61	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.41	0.24	0.27	0.24	0.46	0.03	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	3.03	1.99	1.85	2.37	2.29	0.22	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	7.21	7.79	7.79	7.39	7.95	7.32	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	1.29	0.58	0.52	0.71	0.52	< LOQ *(LOQ=0.50)*	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	0.051	1	Đạt

MẪU SỐ 05

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Giếng 2, phường Tân Phú.	Giếng 7, phường Tân Phú.	KCN Tân Phú	KP8, Lương Thế Vinh.	Nhà dân – khu phố Xuân Hiệp, phường Xuân Lộc.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	0.00118	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.91	0.54	0.85	0.87	0.81	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.09	0.03	0.04	0.02	0.33	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	0.07	0.07	0.07	KPH	1.70	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	7.28	7.08	7.07	7.03	7.20	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	KPH *(LOD=0.15)*	< LOQ *(LOQ=0.50)*	KPH *(LOD=0.15)*	KPH *(LOD=0.15)*	0.97	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	0.041	0.046	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

- Dấu (/) không thực hiện.

MẪU SỐ 05

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Trấn Biên, ngày 25 tháng 09 năm 2026

TUQ. GIÁM ĐỐC

PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Đặng Thị Tâm

MẪU SỐ 05

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 1082

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Tuần 1 tháng 9

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Chi nhánh cấp nước Long Thành.
2. Địa chỉ: Số 113 đường Lê Duẩn, KP. Phước Hải, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai.
3. Công suất thiết kế: …

Tổng số dân được cung cấp nước: khoảng 89.262 người.

4. Nguồn nước nguyên liệu:

- Tuyến ống D1000 từ nhà máy nước Nhơn Trạch (Dự án Nhơn Trạch giai đoạn 1);
- Tuyến ống D500 từ trạm bơm tăng áp KCN Biên Hoà II (Dự án Thiện Tân giai đoạn 1).

5. Thời gian kiểm tra: ngày 25 tháng 09 năm 2026
6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Chi Mai.
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

- 6 mẫu do phòng Quản lý chất lượng nước thực hiện.
- Vị trí lấy mẫu tại bể chứa và mạng phân phối nước.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Hồ sơ theo dõi phân tích.
- Phiếu kiểm nghiệm chất lượng nước của Phòng quản lý chất lượng nước.

MẪU SỐ 05

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Văn phòng chi nhánh cấp nước Long Thành.	Trạm bơm tăng áp Nhơn Trạch.	Khu công nghiệp Long Thành.	Công ty Vỹ Lợi – KCN 2.	UBND phường Long Thành.	Trạm Tam Phước.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	KPH	0.00053	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.60	0.40	0.40	0.50	0.60	0.80	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.08	0.10	0.08	0.21	0.51	0.05	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	0.44	0.81	0.44	0.67	1.04	0.60	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	7.08	7.21	7.17	7.24	7.08	7.27	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.50)*	< LOQ *(LOQ=0.50)*	< LOQ *(LOQ=0.50)*	< LOQ *(LOQ=0.50)*	KPH *(LOD=0.15)*	< LOQ *(LOQ=0.50)*	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

- Dấu (/) không thực hiện.

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Trấn Biên, ngày 25 tháng 09 năm 2026

TUQ. GIÁM ĐỐC

PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Đặng Thị Tâm